TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 274/2023/DS-PT
Ngày 07-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rẻn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Ông Nguyễn Chí Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2023/TLPT-DS ngày 19/5/2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2023/DS-ST ngày 20/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1826/2023/QĐ-PT ngày 19/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Châu Thị Kim T, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số nhà A, N, Phường E, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Châu Minh Đ, sinh năm 1962 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà A, ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Dương Thị Kim T1, sinh năm 1961

Địa chỉ: Số nhà C, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Nhật H, sinh năm 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà D, Trương Vĩnh K, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Dương Thị Kim T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị Kim T và trong quá trình tố

tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có quen biết nên bà T1 mượn tiền của bà T để làm ăn. Mỗi lần mượn tiền, bà T1 có viết số tiền mượn và ký tên vào sổ do bà T theo dõi. Mỗi lần trả tiền thì bà T1 đều ghi vào sổ là đã trả, đồng thời gạch chéo vào sổ theo dõi. Lãi suất hai bên thỏa thuận miệng. Ban đầu bà T1 thực hiện đúng như thỏa thuận, sau này bà T1 không trả đầy đủ tiền gốc và lãi cho bà T.

Hiện nay, bà T1 còn nợ tổng số tiền là 550.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 26/4/2020, bà T1 mượn 80.000.000 đồng;

- Ngày 12/3/2021, bà T1 mượn 70.000.000 đồng;

- Ngày 03/4/2021, bà T1 mượn 70.000.000 đồng;

- Ngày 22/5/2021, bà T1 mượn 110.000.000 đồng;

- Ngày 31/5/2021, bà T1 mượn 20.000.000 đồng;

- Ngày 31/02/2022, bà T1 mượn 90.000.000 đồng;

- Ngày 12/4/2022, bà T1 mượn 60.000.000 đồng;

- Ngày 07/5/2022, bà T1 mượn 50.000.000 đồng.

Bà T có yêu cầu bà T1 trả tiền nhiều lần, bà T1 hứa hẹn nhưng không trả. Theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu bà T1 trả số tiền nợ còn lại là 550.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 1%/tháng tính từ ngày 07/5/2022, tạm tính là 07 tháng với số tiền 38.500.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà T yêu cầu bà T1 trả số tiền nợ là 550.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 20/12/2022 đến ngày 20/4/2023 với lãi suất 10%/năm.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Dương Thị Kim T1 và người đại diện theo ủy quyền của bà T1 trình bày:

Bà T1 thừa nhận có mượn của bà T số tiền 550.000.000 đồng, bà mượn tiền nhiều lần nhưng không nhớ thời gian từng lần mượn và bà có ký tên vào sổ của bà T để xác nhận việc mượn tiền. Mục đích bà mượn tiền của bà T là đem cho người khác mượn lại, hiện tại người đó không có khả năng chi trả cho bà nên bà không có tiền trả tiền lãi cho bà T. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất với trình bày của nguyên đơn về các mốc thời gian mượn tiền.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì bà đồng ý trả tiền nợ nhưng hiện tại bà chưa có điều kiện nên bà xin đến tháng 8/2023 bà sẽ trả số tiền này. Đối với yêu cầu tính tiền lãi của bà T thì bà không đồng ý vì đây là tiền mượn, không phải tiền vay.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2023/DS-ST ngày 20/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã áp dụng Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 35 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị Kim T đối với bị đơn bà Dương Thị Kim T1 về việc tranh chấp hợp đồng vay.

Buộc bà Dương Thị Kim T1 có trách nhiệm trả cho bà Châu Thị Kim T tổng số tiền 568.326.000 (Năm trăm sáu mươi tám triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn) đồng, trong đó tiền vốn là 550.000.000 (Năm trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi là 18.326.000 (Mười tám triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/4/2023, bị đơn bà Dương Thị Kim T1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn vì khi đây là tiền mượn, không có tính lãi suất, không có thỏa thuận về thời hạn trả, đồng thời bà T cũng chưa thông báo yêu cầu bà trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo: Yêu cầu Hội đồng xét xử điều chỉnh lại thời gian bắt đầu tính tiền lãi từ ngày 20/01/2023 tức là sau một tháng kể từ ngày bà T1 nhận được thông báo thụ lý của Toà án (ngày 20/12/2022).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị Kim T1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 43/2023/DS-ST ngày 20/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Dương Thị Kim T1; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm, phía bị đơn bà T1 chỉ kháng cáo một phần có liên quan đến thời gian bắt đầu tính tiền lãi. Do đó, cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại nội dung này, các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[2] Đối với yêu cầu tính lãi của số tiền vay:

Nguyên đơn bà T cho rằng khi cho vay tiền các bên có thỏa thuận miệng về lãi suất và bị đơn có trả đầy đủ nhiều lần tiền gốc và tiền lãi nhưng khi trả tiền lãi hai bên không có làm biên nhận. Tuy nhiên, lời trình bày của bà T không được bà T1 thừa nhận, ngoài ra bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh giữa hai bên có thỏa thuận về lãi, mức lãi suất cũng như việc bị đơn có đóng tiền lãi cho nguyên đơn. Do đó, không có căn cứ xác định các hợp đồng vay số tiền 550.000.000 đồng là vay có lãi.

Tuy nhiên, việc bà T1 vay số tiền 550.000.000 đồng của bà T là có thật. Mặc dù hợp đồng vay không xác định thời hạn nhưng khi bà T1 nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, biết bà T yêu cầu bà phải trả số tiền vay nhưng bà vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là vi phạm nghĩa vụ và phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 "*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*". Cấp sơ thẩm căn cứ giấy báo phát của bưu điện thể hiện bà T1 đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án gửi vào ngày 20/12/2022 để bắt đầu tính thời gian phải chịu nghĩa vụ chậm trả, đồng thời xác định mức lãi suất 0,833%/tháng và buộc bị đơn phải chịu số tiền lãi 18.326.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ thời điểm bà T1 thiếu bà T số tiền vay 550.000.000 đồng cho đến nay bà T1 vẫn chưa thanh toán cho bà T phần tiền nào. Trong quá trình Toà án thụ lý, giải quyết vụ án bà T1 vẫn không thể hiện thiện chí trả lại số tiền nợ cho bà T, việc xin trả dần số tiền nợ cũng như yêu cầu Hội đồng xét xử điều chỉnh lại thời gian bắt đầu tính tiền lãi từ ngày 20/01/2023 làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà T, không được bà T đồng ý và cũng không có căn cứ pháp luật.

Từ những nhận định trên, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Dương Thị Kim T1 phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, bà T1 là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị Kim T1;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 43/2023/DS-ST ngày 20/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 35 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thị Kim T đối với bị đơn bà Dương Thị Kim T1 về việc tranh chấp hợp đồng vay.

Buộc bà Dương Thị Kim T1 có trách nhiệm trả cho bà Châu Thị Kim T tổng số tiền 568.326.000 (Năm trăm sáu mươi tám triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn) đồng, trong đó tiền vốn là 550.000.000 (Năm trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi là 18.326.000 (Mười tám triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về án phí: Bà Dương Thị Kim T1 được miễn.

Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho bà Châu Thị Kim T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 14.712.500 (Mười bốn triệu bảy trăm mười hai nghìn năm trăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự số 0010101 ngày 13/12/2022.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Rẻn